

Số:46/2025/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 27 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quy trình bảo trì mẫu để quản lý vận hành và bảo trì công trình thủy lợi (kênh mương nội đồng) đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Tờ trình số 219/TTr-SNN ngày 08 tháng 5 năm 2025).

Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định ban hành Quy định quy trình bảo trì mẫu để quản lý vận hành và bảo trì công trình thủy lợi (kênh mương nội đồng) đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên, như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quy trình bảo trì mẫu để quản lý vận hành và bảo trì công trình thủy lợi (kênh mương nội đồng) đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu từ ngày 06 tháng 6 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyễn Thảo

QUY ĐỊNH

**Quy trình bảo trì mẫu để quản lý vận hành và bảo trì công trình thủy lợi
(kênh mương nội đồng) đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc
các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:46/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc quản lý vận hành và bảo trì công trình thủy lợi (kênh mương nội đồng) đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bảo trì đối với công trình thủy lợi (kênh mương nội đồng) quy định tại Điều 1 Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Bảo trì công trình* là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Nội dung bảo trì công trình xây dựng có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: Kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình, để việc khai thác sử dụng công trình đảm bảo an toàn nhưng không làm thay đổi công năng, quy mô công trình.

2. *Kiểm tra công trình* là việc thường xuyên, định kỳ và đột xuất xem xét bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng để đánh giá hiện trạng công trình nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu xuống cấp, những hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc bảo dưỡng, sửa chữa công trình để duy trì công trình ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình.

3. *Kế hoạch bảo trì* là quá trình xây dựng các bước thực hiện bảo trì công trình bao gồm các nội dung: Tên công việc thực hiện; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện; chi phí thực hiện.

4. *Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình* là khoảng thời gian công trình được dự kiến sử dụng, đảm bảo yêu cầu về an toàn và công năng sử dụng mà không cần sửa chữa lớn kết cấu.

5. *Kênh mương nội đồng* là hệ thống các công trình kênh, mương, rạch, đường ống, xi phông, tuynel, cầu máng dùng để dẫn, chuyển nước tưới, tiêu nước trong phạm vi từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác.

6. *Mùa mưa lũ* trên địa bàn tỉnh Phú Yên từ tháng 9 đến tháng 12 hàng năm.

Chương II

NỘI DUNG QUY TRÌNH BẢO TRÌ MẪU

Mục 1

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ TẦN SUẤT KIỂM TRA CÔNG TRÌNH

Điều 4. Yêu cầu chung

1. Nắm được tính năng làm việc của công trình, điều kiện sử dụng và các yếu tố có thể gây hư hỏng công trình.

2. Phát hiện kịp thời các sai sót trong công tác quản lý, vận hành khai thác công trình.

3. Phát hiện kịp thời các dấu hiệu công trình bị xuống cấp và hư hỏng do quá trình quản lý vận hành khai thác gây ra.

4. Xác định tình trạng và mức độ hư hỏng, xuống cấp của các bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt trên công trình.

5. Đề xuất các biện pháp xử lý sự cố, hư hỏng (nếu có) phù hợp với mức độ và tính chất của hư hỏng, đảm bảo công trình hoạt động bình thường theo nhiệm vụ thiết kế ban đầu, theo đúng quy trình quản lý vận hành cả trong lúc đang vận hành cũng như không vận hành.

Điều 5. Phương pháp kiểm tra

Tùy trường hợp cụ thể của công trình có thể lựa chọn một trong các phương pháp kiểm tra sau đây:

1. Quan sát trực quan bằng mắt thường.

2. Phân tích các số liệu thu thập từ các dụng cụ, thiết bị chuyên dùng cơ động hoặc lắp đặt cố định trên công trình.

Điều 6. Tần suất kiểm tra thường xuyên

Tần suất kiểm tra thường xuyên đối với kênh và công trình trên kênh được thực hiện như sau:

1. Kênh đang dẫn nước mỗi ngày kiểm tra 1 lần.

2. Kênh không dẫn nước mỗi tuần kiểm tra ít nhất 1 lần; đối với kênh đi qua vùng dân cư tập trung không quá 04 ngày kiểm tra 01 lần.

3. Trước và sau khi kênh làm việc dẫn nước phải tiến hành kiểm tra những chỗ xung yếu và toàn bộ các công trình trên kênh để đảm bảo tình trạng vận hành bình thường của công trình.

Điều 7. Đối tượng, nội dung công tác kiểm tra thường xuyên

Kiểm tra thường xuyên nhằm đảm bảo sự hoạt động bình thường của kênh, kể cả lúc kênh đang làm nhiệm vụ dẫn nước hoặc không dẫn nước, phát hiện, phòng ngừa các hành vi sai phạm đối với sự toàn vẹn của tuyến kênh như vi phạm hành lang bảo vệ kênh; xâm lấn kênh, đào bới bờ kênh, xây công trình trái phép trên kênh, bờ kênh. Nội dung công tác kiểm tra thường xuyên bao gồm:

1. Đối với kênh:

a) Kiểm tra, theo dõi tình trạng của các bộ phận của kênh gồm: Lòng kênh, mái kênh, bờ kênh; tình trạng sụt sạt, xói lở, rò rỉ, bào mòn, bồi lắng; hoạt động của các rãnh tiêu nước trên bờ và mái kênh (nếu có), các vị trí xung yếu chuyển tiếp mặt cắt, kết cấu giữa kênh đất và kênh bê tông. Đối với các đoạn kênh sử dụng tấm nắp, kênh thấp hơn so với mặt đất tự nhiên cần phải kiểm tra, theo dõi tình trạng xói mòn, sụt lở, bồi lấp làm gia tăng lượng bồi lắng vào lòng kênh.

b) Kiểm tra sự thông suốt của dòng chảy trên kênh, xác định những ứ đọng và giải quyết ứ đọng ách tắc cản trở đến hoạt động bình thường và tổn thất cột nước của kênh.

c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ kênh, công trình trên kênh và các trang thiết bị được giao quản lý, cũng như trang thiết bị lắp đặt trên hệ thống.

d) Trong quá trình kiểm tra sẽ tiến hành các hoạt động mang tính chất vận hành để đảm bảo quy trình vận hành phân phối nước trên kênh và của hệ thống như điều chỉnh các tay van ở khóa, dọn sạch rác làm tắc nghẽn ở các cống nhỏ có máy đóng mở từ V0, V1, V2, V3 trở lên lắp đặt tại các công trình phân phối và điều tiết nước trên kênh.

e) Thông báo tình trạng vi phạm kênh và hành lang bảo vệ kênh đối với đối tượng vi phạm hành lang an toàn kênh, hoạt động sản xuất gây cản trở đến kênh, xả rác, chất thải xuống lòng và bờ kênh; giải thích và yêu cầu dừng ngay các hành vi vi phạm, tiến hành lập biên bản báo cáo cấp trên và cấp có thẩm quyền xử phạt theo quy định nếu người vi phạm không dừng hoặc tháo dỡ các hành vi xâm lấn kênh.

2. Đối với công trình trên kênh: Ngoài yêu cầu thực hiện các quy định có liên quan như đối với kênh, một số công trình trên kênh còn phải thực hiện các quy định dưới đây:

a) Đối với lưới chắn rác, cửa van, máy đóng mở và các thiết bị cơ khí khác:

Kiểm tra lớp sơn bảo vệ bề mặt lưới chắn rác, bề mặt cửa van, khe van, khe phai, vỏ máy đóng mở và các thiết bị cơ khí khác (nếu có);

Kiểm tra mức độ kín nước của cửa van, các vật cản trong khe van, khe phai;

Kiểm tra dầu mỡ tại các trục chuyển động của máy đóng mở và các thiết bị cơ khí nếu có, bôi trơn ở các thiết bị truyền động như: Bánh vít, trục vít (ty van) và các thiết bị truyền động nâng, hạ cửa van.

b) Đối với cống tiêu, cống luồn, xi phông:

Kiểm tra kết cấu bảo vệ mái và đáy các đoạn kênh chuyển tiếp ở thượng lưu và hạ lưu công trình;

Kiểm tra tình trạng nứt nẻ, bong tróc của các bộ phận xây đúc như: Tường bên, bản đáy, cửa vào và cửa ra, bể lắng cát trước cửa vào, bể tiêu năng sau cửa ra; tình trạng lún sụt tại các vị trí tiếp giáp giữa phần xây đúc với đất đắp;

Kiểm tra tình trạng sụt lở, lún sụt ở phần tiếp giáp đất đắp và kết cấu cửa vào, cửa ra;

Kiểm tra bồi lắng bùn cát tại đáy bể lắng cát trước cửa vào, bể tiêu năng sau cửa ra.

c) Đối với cầu máng:

Kiểm tra kết cấu bảo vệ mái và đáy các đoạn kênh chuyển tiếp ở thượng lưu và hạ lưu công trình;

Kiểm tra tình trạng nứt nẻ, bong tróc của các bộ phận xây đúc như: Tường bên, bản đáy cửa vào và cửa ra, thân máng, trụ đỡ máng;

Kiểm tra tình trạng kín nước, sụt lún của các khớp nối ở hai đầu máng, trên thân máng.

d) Đối với bậc nước và dốc nước:

Kiểm tra kết cấu bảo vệ mái và đáy các đoạn kênh chuyển tiếp ở thượng lưu và hạ lưu công trình;

Kiểm tra tình trạng nứt nẻ, bong tróc, nứt vỡ của các kết cấu xây đúc như: Tường bên, bản đáy, cửa vào, cửa ra của các bậc nước;

Kiểm tra tình trạng bồi lắng tại cửa vào, cửa ra, bề tiêu năng trên các bậc nước;

Kiểm tra tình trạng bồi lắng, xói lở phía hạ lưu công trình, khả năng xói ngầm dưới bản đáy tại các vị trí khớp nối của công trình.

Điều 8. Tần suất kiểm tra định kỳ công trình

Công tác kiểm tra định kỳ công trình được tiến hành mỗi năm hai đợt vào thời điểm trước mùa lũ và sau mùa lũ:

1. Kiểm tra trước mùa mưa lũ: Chậm nhất một tháng trước khi bắt đầu vào mùa lũ phải hoàn thành công tác kiểm tra nhằm phát hiện những hư hỏng, thực hiện sửa chữa, duy tu bảo dưỡng kịp thời, đảm bảo công trình vận hành an toàn trong mùa mưa lũ.

2. Kiểm tra sau mùa mưa lũ: Ngay sau khi mùa mưa lũ kết thúc phải tiến hành kiểm tra phát hiện những hư hỏng của công trình do mưa lũ gây ra, trên cơ sở đó đánh giá hiện trạng công trình sau lũ.

Điều 9. Đối tượng, nội dung công tác kiểm tra định kỳ

1. Đối với kênh: Nội dung kiểm tra định kỳ được thực hiện tương tự như kiểm tra thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này.

2. Đối với công trình trên kênh: Ngoài thực hiện theo các quy định như kiểm tra thường xuyên quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy định này, một số công trình trên kênh còn phải thực hiện thêm các nội dung sau:

a) Đối với lưới chắn rác, cửa van, máy đóng mở và các thiết bị cơ khí khác: Trước mùa mưa lũ phải thực hiện thêm các nội dung sau đây: Kiểm tra khả năng làm việc của các thiết bị máy đóng mở van, trục vít (ty van)... bằng cách vận hành thử.

b) Đối với cống ngầm, xi phông:

Trước mùa mưa lũ: Kiểm tra việc thực hiện sửa chữa, phục hồi những hư hỏng của công trình phải hoàn thành trước thời gian xảy ra mưa lũ chính;

Sau mùa mưa lũ: Kiểm tra tình hình sạt lở, lún sụt, bồi lắng và những hư hỏng của công trình, phục vụ cho việc lên kế hoạch duy tu bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời.

Mỗi năm có một lần bơm hoặc tháo cạn hết nước trong xi phông, cống luôn để kiểm tra tình trạng bồi lắng bên trong công trình; kiểm tra phát hiện những hư hỏng các bộ phận bên trong công trình.

c) Đối với cầu máng, bậc nước, dốc nước:

Trước mùa mưa lũ: Kiểm tra việc thực hiện sửa chữa, phục hồi những hư hỏng của công trình phải hoàn thành trước thời gian xảy ra mưa lũ chính;

Sau mùa mưa lũ: Kiểm tra tình hình sạt lở, lún sụt, bồi lắng và những hư hỏng của công trình, phục vụ cho việc lên kế hoạch duy tu bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời.

Điều 10. Kiểm tra đột xuất công trình

1. Việc kiểm tra đột xuất công trình được thực hiện khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu tác động đột xuất của thiên tai như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập và những tác động đột xuất khác hoặc khi bộ phận công trình, công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình.

2. Nội dung kiểm tra đột xuất tương tự như nội dung kiểm tra thường xuyên được quy định tại Điều 7 Quy trình này.

3. Trường hợp phát hiện công trình bị hư hỏng hoặc có những hiện tượng có nguy cơ gây hư hỏng lớn công trình thì đơn vị quản lý công trình phải tiến hành kiểm tra ngay. Xác định các giải pháp và huy động nguồn lực tại chỗ để nhanh chóng khắc phục. Trường hợp vượt thẩm quyền phải báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để kiểm tra đánh giá tình trạng sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố, xác định các giải pháp và huy động nguồn lực tại chỗ để nhanh chóng khắc phục. Trường hợp những nguy cơ cũng như những vấn đề sự cố lớn cần báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước và các đơn vị nghiên cứu chuyên sâu để kiểm tra đánh giá tình trạng sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố.

Mục 2

NỘI DUNG VÀ CHỈ DẪN THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH

Điều 11. Yêu cầu chung

1. Bảo dưỡng công trình gồm bảo dưỡng thường xuyên và bảo dưỡng định kỳ.

2. Các loại công việc sau đây được xếp vào bảo dưỡng công trình:

a) Duy tu bảo dưỡng, khắc phục kịp thời những sự cố và hư hỏng nhỏ của công trình, được phát hiện trong quá trình kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ;

b) Bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ máy móc, thiết bị lắp đặt trên công trình theo quy trình bảo trì.

3. Bảo dưỡng công trình thực hiện sửa chữa, khôi phục những hư hỏng có quy mô nhỏ, với khối lượng quy định sau:

a) Vớt rác và rong bèo với khối lượng nhỏ hơn 10 m²;

b) Đào hoặc đắp đất với khối lượng nhỏ hơn 1,0 m³;

c) Xây đúc với khối lượng nhỏ hơn 0,3 m³;

d) Sơn chống rỉ sét bề mặt với khối lượng nhỏ hơn 5 m².

4. Quá trình duy tu bảo dưỡng công trình không được làm gián đoạn hoặc ảnh hưởng bất lợi cho các hoạt động sản xuất, khai thác công trình, không làm phát sinh thành các sự cố và hư hỏng mới.

Điều 12. Chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình

Cùng với việc kiểm tra công trình trong quá trình vận hành, bảo dưỡng công trình nhằm giải quyết ngay những vấn đề phát sinh mà nếu không thực hiện sẽ ảnh hưởng ngay đến công tác phân phối nước và lâu hơn nữa sẽ dẫn đến ảnh hưởng lớn đến hoạt động bình thường của kênh, công trình trên kênh và của cả hệ thống. Nội dung công tác bảo dưỡng như sau:

1. Đối với kênh: Dọn sạch bờ kênh, mái kênh, lòng kênh, vớt hết rác, đất đá làm cản dòng nước trên rãnh tiêu nước dọc kênh mà nếu không thực hiện sẽ ảnh hưởng ngay đến việc vận hành phân phối nước; đắp bồi trúc bờ kênh, mái ngoài kênh đảm bảo nước không đọng thành vũng trên bờ và mái kênh; vệ sinh, phục hồi những hư hỏng nhỏ phần bê tông hoặc đá xây lát gia cố kênh.

2. Đối với công trình trên kênh: Thực hiện tương tự như đối với kênh, ngoài ra một số công trình, hạng mục công trình trên kênh còn phải thực hiện các nội dung sau:

a) Đối với lưới chắn rác, cửa van, máy đóng mở và các thiết bị cơ khí: Sơn lại lớp sơn bảo vệ bị bong tróc trên bề mặt lưới chắn rác, bề mặt cửa van, khe van, khe phai và các thiết bị cơ khí khác nếu có; vớt các vật cản như rác nổi, cành cây trong khe van, khe phai; tra bổ sung dầu, mỡ tại những ổ trục của máy đóng mở và các thiết bị cơ khí nếu có.

b) Đối với cống tiêu, cống luồn, xi phông: Xây trát các vị trí bị vỡ, nứt nẻ trên các bộ phận xây đúc của công trình; đắp bù đất tại các khu vực bị lún sụt, nhất là các khu vực tiếp giáp giữa công trình với đất; nạo vét bùn cát lắng đọng tại đáy bể lắng cát trước cửa vào, bể tiêu năng sau cửa ra.

c) Đối với cầu máng, bậc nước, dốc nước: Nội dung thực hiện tương tự như đối với cống tiêu, cống luồn, xi phông, đồng thời kiểm tra, khắc phục tình trạng rò rỉ nước tại các khớp nối hai đầu máng và khớp nối giữa các đoạn thân máng (nếu có); sau mỗi đợt dẫn nước, chuyển nước phải tháo cạn nước trong lòng máng. Sửa chữa tình trạng xói.

Mục 3

CHỈ DẪN PHƯƠNG PHÁP SỬA CHỮA CÁC HƯ HỎNG CỦA CÔNG TRÌNH, XỬ LÝ CÁC TRƯỜNG HỢP CÔNG TRÌNH BỊ XUỐNG CẤP

Điều 13. Yêu cầu chung

1. Sửa chữa kịp thời các sự cố, hư hỏng của công trình, hạng mục công trình được phát hiện trong quá trình kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất khi những hư hỏng này vượt quá quy mô và khối lượng quy định cho công tác bảo dưỡng.

2. Quá trình sửa chữa công trình phải đảm bảo các yêu cầu sau đây: Không làm thay đổi hình dạng, kích thước, quy mô, công suất thiết kế của công trình; có biện pháp kỹ thuật phù hợp để hạn chế đến mức thấp nhất các ảnh hưởng bất lợi cho các hoạt động sản xuất, khai thác bình thường của công trình; trong quá trình sửa chữa các sự cố và hư hỏng không làm phát sinh thành các sự cố và hư hỏng lớn hoặc phát sinh thêm những sự cố và hư hỏng mới.

3. Tương ứng với kết quả kiểm tra công trình, công tác sửa chữa công trình cũng được chia thành ba loại sau đây: Sửa chữa thường xuyên; sửa chữa định kỳ; sửa chữa đột xuất.

4. Công tác duy tu sửa chữa những hư hỏng của công trình, hư hỏng máy móc và thiết bị lắp đặt trên công trình phải thực hiện theo đúng quy trình và giải pháp kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Sửa chữa công trình thực hiện khôi phục những hư hỏng có quy mô về khối lượng vượt mức bảo dưỡng công trình tại khoản 3 Điều 11 Quy định này.

Điều 14. Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa công trình

1. Nội dung sửa chữa thường xuyên thực hiện tương tự như bảo dưỡng thường xuyên công trình đối với những hư hỏng có quy mô về khối lượng quy định tại khoản 5 Điều 13 Quy trình này.

2. Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa một số hư hỏng phổ biến của công trình tham khảo Phụ lục 2 kèm theo Quy trình này.

3. Trong quá trình kiểm tra đột xuất khi phát hiện công trình, bộ phận công trình bị hư hỏng, sự cố thì tiến hành sửa chữa đột xuất. Tùy từng trường hợp cụ thể của công trình xảy ra sự cố, loại sự cố mà vận dụng các nội dung sửa chữa thường xuyên để thực hiện công tác sửa chữa đột xuất cho phù hợp. Đồng thời lưu ý các nội dung sau:

a) Hạn chế sự làm việc của kênh hoặc công trình trên kênh, nếu hư hỏng nặng có thể đình chỉ tạm thời sự làm việc của kênh hoặc công trình trên kênh.

b) Tiến hành tổ chức kiểm tra, khảo sát, xác định đầy đủ những hư hỏng, lập báo cáo trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Việc sửa chữa phải tiến hành nhanh chóng bảo đảm chất lượng kỹ thuật, mỹ thuật và kịp thời phục vụ sản xuất.

Mục 4

THỜI GIAN SỬ DỤNG CỦA CÔNG TRÌNH, CÁC BỘ PHẬN, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

Điều 15. Thời gian sử dụng của công trình, các bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình

1. Thời gian sử dụng theo thiết kế của công trình được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng có liên quan, nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình được phê duyệt.

2. Thời gian sử dụng thiết bị lắp đặt vào công trình: Theo thời gian quy định của đơn vị sản xuất.

Mục 5

CÁC CHỈ DẪN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 16. An toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện bảo trì công trình

1. Trong quá trình thực hiện bảo trì công trình xây dựng phải lập và thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn và các biện pháp cần thiết khác để bảo vệ cho người làm việc tại khu vực bảo trì và người ở khu vực lân cận. Đồng thời tuân thủ theo quy định tại QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng.

2. Có biện pháp phòng ngừa nguy cơ cháy, nổ; kiểm soát an toàn đối với các vùng nguy hiểm có thể có vật rơi; mất an toàn điện tại khu vực đang thi công, lắp đặt điện hoặc đang sử dụng các thiết bị điện.

3. Thực hiện thu gom nước thải, chất thải rắn trên công trường và xử lý nước thải, vận chuyển chất thải rắn ra khỏi công trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 17. Bảo vệ công trình trong quá trình thực hiện vận hành, bảo trì công trình

1. Phạm vi bảo vệ công trình thực hiện theo quy định của Luật Thủy lợi; Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên Ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên và quy định pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình vận hành, bảo trì công trình, đơn vị quản lý khai thác có trách nhiệm sau đây:

a) Thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình trạng diễn biến công trình; phát hiện, có biện pháp ngăn chặn kịp thời và kiến nghị xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình.

b) Giám sát việc thực hiện các nội dung trong giấy phép của tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình.

c) Trường hợp công trình xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố phải thực hiện các biện pháp xử lý, đồng thời phải báo cáo lên cấp có thẩm quyền.

Điều 18. Nguồn nhân lực, kinh phí thực hiện bảo trì

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ; Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 19. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành khác: Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi thực hiện Quy định này.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến, thực hiện Quy định này tại địa phương.

2. Chỉ đạo đơn vị quản lý các công trình thủy lợi xây dựng kế hoạch bảo trì trên cơ sở Quy trình bảo trì mẫu này.

3. Quyết định kế hoạch bảo trì và lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hợp tác xã thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

Điều 21. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi

1. Sử dụng công trình đúng công năng và chỉ dẫn kỹ thuật; tổ chức kiểm tra, phát hiện phần công trình, thiết bị hư hỏng, kịp thời khắc phục, sửa chữa.

2. Xây dựng kế hoạch bảo trì công trình trên cơ sở quy trình này; tổ chức thực hiện bảo trì công trình theo kế hoạch bảo trì; lập, lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác bảo trì, bảo dưỡng công trình bao gồm: Kết quả kiểm tra công trình; kết

quả bảo dưỡng, sửa chữa công trình; đánh giá kết quả đạt được, đề xuất, kiến nghị giải pháp thực hiện (theo các Biểu mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này và các quy định khác có liên quan).

3. Thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện bảo trì, bảo dưỡng công trình được giao quản lý vận hành cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Nội dung báo cáo bao gồm: Kết quả kiểm tra công trình; kết quả bảo dưỡng, sửa chữa công trình; đánh giá kết quả đạt được, đề xuất, kiến nghị giải pháp thực hiện. Thời gian gửi báo cáo định kỳ trước ngày 25 tháng 12 hàng năm.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác có liên quan không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục I
CÁC BIỂU MẪU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN BẢO
TRÌ CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Quy định quy trình bảo trì mẫu để quản lý vận hành và bảo trì công trình thủy lợi (kênh mương nội đồng) đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên)

Mẫu số 01	Mẫu ghi chép kết quả kiểm tra công trình
Mẫu số 02	Mẫu ghi chép kết quả bảo dưỡng, sửa chữa công trình
Mẫu số 03	Mẫu báo cáo kết quả kiểm tra
Mẫu số 04	Mẫu báo cáo kết quả bảo dưỡng, sửa chữa công trình

Mẫu ghi chép kết quả kiểm tra công trình
GHI CHÉP KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:.....
2. Tên đơn vị khai thác công trình:.....
3. Tên cán bộ phụ trách kiểm tra:.....
4. Hình thức kiểm tra (thường xuyên, định kỳ, đột xuất):.....
5. Thời gian thực hiện kiểm tra: ngày..... tháng..... năm.....
6. Kết quả kiểm tra.

TT	Hạng mục công trình thực hiện kiểm tra	Kết quả kiểm tra (1)	Mô tả trạng thái không bình thường (2)	Kiến nghị giải pháp duy tu sửa chữa (3)
1				
2				
3				

**ĐƠN VỊ QUẢN LÝ KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH**

(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

(1) Phải ghi rõ hạng mục công trình kiểm tra đang ở trạng thái bình thường, không bình thường, hay có những hư hỏng gì...

(2) Mô tả rõ tình trạng hư hỏng, vị trí, kích thước, quy mô bị hư hỏng.

(3) Kiến nghị rõ giải pháp duy tu bảo dưỡng, sửa chữa.

Mẫu biểu ghi chép kết quả bảo dưỡng, sửa chữa công trình
GHI CHÉP KẾT QUẢ BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA

1. Tên công trình:
2. Tên đơn vị khai thác công trình:
3. Hình thức thực hiện (bảo dưỡng, sửa chữa):.....
4. Tên cán bộ kỹ thuật phụ trách:.....
5. Tên cán bộ kỹ thuật giám sát:.....

TT	Hạng mục thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa	Thời gian thực hiện (1)	Nhân công thực hiện (2)	Khối lượng vật tư, vật liệu sử dụng (3)	Đánh giá kết quả duy tu sửa chữa (4)
1		- Bắt đầu - Kết thúc			
2		- Bắt đầu - Kết thúc			
3		- Bắt đầu - Kết thúc			

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....Ngày..... tháng năm.....
CÁN BỘ GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ thời gian bắt đầu thực hiện và thời gian kết thúc công việc bảo dưỡng, sửa chữa.

(2) Ghi rõ số nhân lực tham gia gồm cán bộ và trình độ kỹ thuật, bao nhiêu công nhân...

(3) Ghi rõ số lượng vật tư, vật liệu đã dùng để duy tu sửa chữa cho từng hạng mục.

(4) Phải mô tả kỹ về tình trạng của hạng mục công trình sau khi duy tu bảo dưỡng, sửa chữa.

Mẫu báo cáo kết quả kiểm tra
ĐƠN VỊ KHAI THÁC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày.....tháng.....năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Tên công trình:
2. Hình thức kiểm tra (định kỳ, đột xuất):.....
3. Tên cán bộ kỹ thuật phụ trách công tác kiểm tra:.....
4. Thời gian thực hiện kiểm tra: Từ ngày.....đến ngày.....tháng.....năm.....

KẾT QUẢ KIỂM TRA

TT	Hạng mục kiểm tra	Hiện trạng hạng mục kiểm tra	Đánh giá hiện trạng	Đề xuất hướng giải quyết	Ghi chú
1	Kênh				
2	Cống luồn, xi phông,...				
3					

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH KIỂM TRA
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI VIẾT BÁO CÁO
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Khi kiểm tra đột xuất phát hiện thấy công trình bị hư hỏng, người kiểm tra phải thực hiện ngay các công việc sau đây:

- 1. Đánh giá mức độ an toàn của công trình.*
- 2. Lập phương án kỹ thuật xử lý, khắc phục những hư hỏng.*

Mẫu Báo cáo kết quả bảo dưỡng, sửa chữa
ĐƠN VỊ KHAI THÁC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày.....tháng.....năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA

1. Tên công trình:
2. Hình thức sửa chữa (thường xuyên, định kỳ, đột xuất):.....
3. Tên cán bộ kỹ thuật phụ trách công tác sửa chữa:.....
4. Thời gian thực hiện tác sửa chữa: Từ ngày.....đến ngày.....tháng.....năm.

KẾT QUẢ SỬA CHỮA

TT	Hạng mục sửa chữa	Hiện trạng hạng mục sửa chữa	Nội dung sửa chữa	Đánh giá kết quả sửa chữa	Ghi chú
1	Kênh				
2	Cống luồn, xi phong,...				
3					

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH SỬA CHỮA

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CÁN BỘ GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI VIẾT BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- Khi tiến hành sửa chữa hư hỏng, không có loại vật liệu đã sử dụng khi xây dựng, phải dùng loại vật liệu có tính năng tương tự để thay thế, phải lập biên bản và được sự thống nhất của cán bộ giám sát mới được tiến hành sửa chữa.

- Trong quá trình sửa chữa xuất hiện những phát sinh, phải lập biên bản hiện trường, có chữ ký của cán bộ phụ trách sửa chữa và cán bộ giám sát.

Phụ lục II
CHỈ DẪN PHƯƠNG PHÁP SỬA CHỮA MỘT SỐ HƯ HỎNG PHỔ BIẾN
CỦA CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Quy định quy trình bảo trì mẫu để quản lý vận hành và bảo trì công trình thủy lợi (kênh mương nội đồng) đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên)

STT	Phân loại hư hỏng	Phương pháp khắc phục, sửa chữa
1	Lớp sơn cửa van, kết cấu thép bị bong tróc, rỉ sắt	- Khi tiến hành sơn cửa van phải để cửa van ở vị trí ổn định và thuận tiện cho việc gõ, cạo rỉ và sơn. Không được dùng búa đóng mạnh vào kết cấu khi gõ rỉ. - Sau khi gõ rỉ, dùng bàn chải sắt cạo rỉ, dùng giẻ lau sạch rồi mới tiến hành sơn. - Thực hiện sơn theo quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành và quét lớp bitum nhằm hạn chế hiện tượng oxy hóa vật liệu thép (nếu cần thiết).
2	Kết cấu bê tông bị bong tróc	Tuỳ vào điều kiện cụ thể, thực hiện tô, trát vữa theo thiết kế ban đầu
3	Sạt lở bờ, mái ngoài kênh	Tuỳ vào điều kiện cụ thể, đắp đất bồi trúc lại theo thiết kế ban đầu hoặc đề xuất giải pháp kiên cố hóa